

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường
Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-38
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-38



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mỹ Trì, Phường
Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được thành lập theo Quyết định số 29/2010/QĐ-HĐQT ngày 08/05/2010 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 9 về việc chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cơ khí và Sửa chữa Sông Đà 9 thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 11 tháng 08 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	
Ông Lương Thanh Tùng	Ủy viên	
Ông Hoàng Công Tuấn	Ủy viên	
Ông Nguyễn Chính Đại	Ủy viên	
Ông Triệu Quang Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2016
Ông Nguyễn Văn Phúc	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2016

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Chính Đại	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/08/2016
Ông Hoàng Công Tuấn	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/08/2016
Ông Hoàng Công Tuấn	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/08/2016
Ông Nguyễn Chính Đại	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/08/2016
Ông Nguyễn Quang Hưng	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Cao Hải	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/05/2016
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/02/2017

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Len	Trưởng ban	
Ông Cao Lữ Phi Hùng	Thành viên	
Bà Quách Thị Thanh Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2016
Ông Quán Thanh Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mỹ Trì, Phường
Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Chính Đại

Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2017

Số: 307/2017/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được lập ngày 28 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2017

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2013-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		435.817.526.693	279.205.563.822
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	59.401.556.239	17.799.277.018
111	1. Tiền		46.401.556.239	17.799.277.018
112	2. Các khoản tương đương tiền		13.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	20.250.000.000	18.536.671.886
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	18.286.671.886
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.250.000.000	250.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		172.976.662.166	124.991.789.802
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	138.878.707.512	106.233.067.436
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	24.602.004.731	8.442.250.039
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	15.170.676.539	11.036.303.089
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.674.726.616)	(719.830.762)
140	IV. Hàng tồn kho	9	175.237.601.632	113.978.904.872
141	1. Hàng tồn kho		175.258.639.164	113.999.942.404
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(21.037.532)	(21.037.532)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.951.706.656	3.898.920.244
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	645.524.347	560.431.968
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.123.208.569	3.338.488.276
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	182.973.740	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		130.783.582.995	83.368.929.761
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		395.960.000	8.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	395.960.000	8.000.000
220	II. Tài sản cố định		122.936.838.261	76.311.622.717
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	122.936.838.261	76.311.622.717
222	- Nguyên giá		178.972.982.389	117.853.748.775
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(56.036.144.128)	(41.542.126.058)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	2.669.800.221
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	2.669.800.221
260	VI. Tài sản dài hạn khác		7.450.784.734	4.379.506.823
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	7.450.784.734	4.379.506.823
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		566.601.109.688	362.574.493.583

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		439.319.939.719	237.966.689.484
310	I. Nợ ngắn hạn		400.115.527.382	214.442.228.556
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	80.338.248.363	45.334.860.919
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	83.439.894.636	43.541.501.245
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	341.969.177	5.103.879.760
314	4. Phải trả người lao động		18.386.695.949	12.537.207.510
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	10.681.915.081	3.292.942.583
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	2.673.560.128	4.401.593.758
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	202.806.148.843	99.467.812.298
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.447.095.205	762.430.483
330	II. Nợ dài hạn		39.204.412.337	23.524.460.928
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	39.204.412.337	23.524.460.928
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		127.281.169.969	124.607.804.099
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	127.281.169.969	124.607.804.099
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		100.000.000.000	100.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		6.750.741.041	4.722.740.999
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		20.530.428.928	19.885.063.100
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		16.500.663.036	5.829.551.535
421b	LNST chưa phân phối năm nay		4.029.765.892	14.055.511.565
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		566.601.109.688	362.574.493.583


Lê Thị Thu Hiền
Người lập


Phan Thanh Hải
Kế toán trưởng


Nguyễn Chính Đại
Giám đốc



Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	357.658.356.741	292.273.178.295
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		357.658.356.741	292.273.178.295
11	4. Giá vốn hàng bán	21	315.104.422.683	250.069.656.433
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		42.553.934.058	42.203.521.862
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	5.537.041.896	4.218.199.243
22	7. Chi phí tài chính	23	13.380.014.600	11.036.205.932
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		13.218.552.094	10.723.409.654
25	8. Chi phí bán hàng		-	44.181.818
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	30.480.207.082	16.652.479.267
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.230.754.272	18.688.854.088
31	11. Thu nhập khác	25	1.234.536.925	224.603.092
32	12. Chi phí khác	26	543.996.281	790.102.658
40	13. Lợi nhuận khác		690.540.644	(565.499.566)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.921.294.916	18.123.354.522
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	891.529.024	4.067.842.957
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>4.029.765.892</u>	<u>14.055.511.565</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	403	1.718


Lê Thị Thu Hiền
Người lập


Phan Thanh Hải
Kế toán trưởng


Nguyễn Chính Đại
Giám đốc



Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.921.294.916	18.123.354.522
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		14.494.018.070	9.597.278.977
03	- Các khoản dự phòng		4.954.895.854	115.062.363
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.285.800.221)	(510.435.321)
06	- Chi phí lãi vay		13.218.552.094	10.723.409.654
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		34.302.960.713	38.048.670.195
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(54.930.065.198)	(12.324.143.714)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(61.258.696.760)	(36.172.181.308)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		85.785.547.562	11.743.225.382
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.090.477.290)	(2.422.154.288)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		18.286.671.886	(18.286.671.886)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(13.030.803.470)	(10.687.333.500)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.431.891.372)	(2.473.257.531)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	149.500.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(671.735.300)	(1.047.114.754)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		961.510.771	(33.471.461.404)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(60.564.733.614)	(34.097.592.952)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	227.272.727
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(20.000.000.000)	(250.000.000)
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.187.214.110	454.162.594
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(78.377.519.504)	(33.666.157.631)
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	45.000.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		371.848.062.498	280.165.522.788
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(252.829.774.544)	(256.053.495.334)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		119.018.287.954	69.112.027.454
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		41.602.279.221	1.974.408.419

10011
CÔNG
CHUYÊN
NG KIỂM
AAS
KIỂM-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		17.799.277.018	15.824.868.599
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>59.401.556.239</u>	<u>17.799.277.018</u>


 Lê Thị Thu Hiền
 Người lập


 Phan Thanh Hải
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Chính Đại
 Giám đốc


Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được thành lập theo Quyết định số 29/2010/QĐ-HĐQT ngày 08/05/2010 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 9 về việc chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cơ khí và Sửa chữa Sông Đà 9 thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 11 tháng 08 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 100.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 100.000.000.000 đồng; trong đó 10.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, xây dựng công trình cửa như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... Đập và đê, xây dựng đường hầm; các công việc xây dựng khác không phải nhà như: các công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước; Chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà; Dụng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; Thuê cần trục có người điều khiển;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật công kênh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 - Chi nhánh Phía Nam	Sóc Trăng, Việt Nam	Xây lắp

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.



2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận và thông báo từ BCC.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng: hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, trái tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mỹ Tri,
Phường Mỹ Tri, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	579.364.526	547.178.595
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	45.822.191.713	17.252.098.423
Các khoản tương đương tiền	13.000.000.000	-
	<u>59.401.556.239</u>	<u>17.799.277.018</u>

Tại 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 13 tỷ đồng được gửi tại ngân hàng thương mại TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 4,3%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÓNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	20.250.000.000	20.250.000.000	250.000.000	250.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000
- Trái phiếu (2)	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
	<u>20.250.000.000</u>	<u>20.250.000.000</u>	<u>250.000.000</u>	<u>250.000.000</u>

(1) Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam số 01/2015/283367/HDTG ngày 06/05/2015, số tiền gửi 250.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng tự động gia hạn khi hết hạn, thời hạn mới nhất từ 06/05/2016 đến 06/05/2017. Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn dùng để thế chấp khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây.

(2) Thực hiện Nghị quyết 14/NQ-SICCO-HĐQT của Hội đồng Quản trị, Công ty đã ký Hợp đồng Quản lý đầu tư số 11/2016/HĐQL/IBFM-S99 với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB ngày 28/06/2016. Theo đó, Công ty ủy thác vốn quản lý và danh mục đầu tư cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB để thực hiện quản lý danh mục đầu tư. Tại thời điểm 31/12/2016, danh mục ủy thác đầu tư của Công ty là 20 trái phiếu doanh nghiệp, với tổng giá trị là 20 tỷ đồng.

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	-	-	18.286.671.886	-
<i>Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần</i>				
<i>Thiết bị điện Việt Nam</i>	-	-	18.286.671.886	-
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>18.286.671.886</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty CP SCI	32.440.407.308	-
Công ty TNHH Năng lượng SOVICO - Nghệ An	47.897.848.488	-
Công ty CP Sông Đà 9	3.370.553.878	13.407.291.679
VPĐD TCT Sông Đà - Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	9.358.490.926	14.300.024.926
Công ty CP Licogi 13	6.843.046.996	15.643.046.996
Công ty CP Sông Đà 5	3.568.297.120	12.922.369.957
Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 8 - CTCP	3.234.450.250	11.227.394.000
Chi nhánh TCT CP Dịch vụ KT Dầu khí Việt Nam - Ban điều hành Nhiệt điện Long Phú	7.269.199.361	11.321.376.061
Các khoản phải thu khách hàng khác	24.896.413.185	27.411.563.817
	<u>138.878.707.512</u>	<u>106.233.067.436</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	<u>80.338.255.796</u>	<u>-</u>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.		

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán chi tiết theo đối tượng				
Công ty TNHH TM Guangzhou Yaohuang	16.433.458.542	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	8.168.546.189	-	8.442.250.039	-
	<u>24.602.004.731</u>	<u>-</u>	<u>8.442.250.039</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.098.586.111	-	-	-
Tạm ứng	6.703.212.231	-	4.458.970.142	-
Phải thu tiền vật tư tạm ứng cho các công trình	3.904.368.181	-	1.166.850.555	-
Phải thu tiền tạm ứng lương cho người lao động	318.438.120	-	811.721.694	-
Tiền bán chứng khoán 3 ngày cuối chưa về	-	-	1.861.703.250	-
Công ty CP Sản xuất thương mại và KT toàn cầu Hitec	1.298.150.000	-	1.298.150.000	-
Tiền khối lượng tại Công trình Hạ Long	-	-	381.192.683	-
Phải thu khác	1.847.921.896	-	1.057.714.765	-
	15.170.676.539	-	11.036.303.089	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	395.960.000	-	8.000.000	-
	395.960.000	-	8.000.000	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Chi nhánh TCT Thành An tại Hoà Bình	266.288.815	-	266.288.815	-
- Công ty CAVICO Việt Nam xây dựng giao thông	70.000.737	-	70.000.737	-
- Công ty CP XL và PT Thành Nam	6.248.083.094	4.373.658.166	-	-
- Công ty CP Licogi 13	6.843.046.996	4.790.132.897	-	-
- Công ty CP Xây dựng dịch vụ và Thương mại 68	3.425.189.422	2.397.632.595	-	-
- Các khoản khác	383.541.210	-	383.541.210	-
	17.236.150.274	11.561.423.658	719.830.762	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	26.963.887.018	(21.037.532)	11.582.323.285	(21.037.532)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	148.294.752.146	-	102.417.619.119	-
	175.258.639.164	(21.037.532)	113.999.942.404	(21.037.532)

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chi tiết theo công trình:

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công trình QL1 - Phú Yên	12.129.135.861	12.129.135.861	11.842.870.189	11.842.870.189
Công trình đường Hồ Chí Minh - Đà Nẵng	7.485.541.455	7.485.541.455	11.950.088.865	11.950.088.865
Công trình đường Thà Lâu - Sầm Nãi tại Lào (gói 2)	6.686.385.900	6.686.385.900	6.679.214.354	6.679.214.354
Công trình Lèng Beng - Lào	4.995.922.718	4.995.922.718	4.995.922.718	4.995.922.718
Công trình Thủy điện Lai Châu	5.497.499.455	5.497.499.455	5.575.840.859	5.575.840.859
Công trình bến nhập thiết bị Nhiệt điện Long Phú	4.700.197.299	4.700.197.299	26.191.664.095	26.191.664.095
Hạng mục đóng cọc nhà máy Nhiệt điện Long Phú	63.033.939.121	63.033.939.121	24.486.033.040	24.486.033.040
Công trình Thủy điện Canan 2	17.469.781.564	17.469.781.564	682.317.124	682.317.124
Kho Sotrans - Vũng Tàu	7.945.935.543	7.945.935.543	-	-
Các công trình khác	18.350.413.230	18.350.413.230	10.013.667.875	10.013.667.875
	148.294.752.146	148.294.752.146	102.417.619.119	102.417.619.119

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÓNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

10 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	11.221.128.927	67.553.692.239	38.703.540.692	375.386.917	117.853.748.775
- Mua trong năm	-	46.202.592.706	14.876.381.818	40.259.090	61.119.233.614
Số dư cuối năm	11.221.128.927	113.756.284.945	53.579.922.510	415.646.007	178.972.982.389
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.237.108.792	21.302.320.901	13.755.295.027	247.401.338	41.542.126.058
- Khấu hao trong năm	280.528.224	9.383.880.610	4.771.616.730	57.992.506	14.494.018.070
Số dư cuối năm	6.517.637.016	30.686.201.511	18.526.911.757	305.393.844	56.036.144.128
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	4.984.020.135	46.251.371.338	24.948.245.665	127.985.579	76.311.622.717
Tại ngày cuối năm	4.703.491.911	83.070.083.434	35.053.010.753	110.252.163	122.936.838.261

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 121.574.933.244 đồng;
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.413.893.170 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	628.643.316	92.040.510
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	16.881.031	468.391.458
	645.524.347	560.431.968
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	5.557.731.304	723.477.489
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.893.053.430	3.656.029.334
	7.450.784.734	4.379.506.823

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty CP DVC Việt Nam	10.519.685.177	10.519.685.177	8.734.221.171	8.734.221.171
Công ty CP SCI	13.735.674.564	13.735.674.564	6.827.454.670	6.827.454.670
Phải trả các đối tượng khác	56.082.888.622	56.082.888.622	29.773.185.078	29.773.185.078
	80.338.248.363	80.338.248.363	45.334.860.919	45.334.860.919
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	13.895.254.688	13.895.254.688	6.827.454.670	6.827.454.670
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)				

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn chi tiết theo đối tượng		
Công ty TNHH Năng lượng SOVICO - Nghệ An	49.713.253.462	-
CN TCT CP Dịch vụ KT Dầu khí VN - BDA NĐ Long Phú	29.370.854.216	33.329.603.077
Công ty CP Sông Đà 5	-	7.747.658.168
Các đối tượng khác	4.355.786.958	2.464.240.000
	83.439.894.636	43.541.501.245
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		
	52.305.040.420	884.000.000
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)		

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÓNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	4.487.498.627	891.529.024	5.431.891.372	52.863.721	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	218.481.435	575.803.196	497.110.504	-	297.174.127
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	286.759.450	36.923.670	453.793.139	130.110.019	-
Các loại thuế khác	-	5.190.507	-	-	-	5.190.507
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	105.949.741	100.579.933	166.925.131	-	39.604.543
	-	5.103.879.760	1.604.835.823	6.549.720.146	182.973.740	341.969.177

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	372.507.333	184.758.709
- Tiền vật tư sử dụng quá định mức phải trả	470.085.917	470.085.917
- Trích trước chi phí các công trình	9.774.321.831	2.486.052.727
- Chi phí phải trả khác	65.000.000	152.045.230
	<u>10.681.915.081</u>	<u>3.292.942.583</u>

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	170.996.681	115.916.567
- Bảo hiểm xã hội	268.331.419	292.110.167
- Bảo hiểm y tế	-	9.142.610
- Bảo hiểm thất nghiệp	38.332.320	20.260.000
- Phải trả vật tư tạm nhập trong kỳ	1.581.524.000	1.024.496.181
- Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	6.447.436	3.782.722
- Ứng trước tiền bán chứng khoán	-	1.857.482.664
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	607.928.272	1.078.402.847
	<u>2.673.560.128</u>	<u>4.401.593.758</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

17 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	90.477.100.086	90.477.100.086	328.565.101.411	237.230.052.430	181.812.149.067	181.812.149.067
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (1)	80.583.783.011	80.583.783.011	234.847.659.194	196.783.912.926	118.647.529.279	118.647.529.279
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (2)	9.893.317.075	9.893.317.075	76.217.442.217	38.946.139.504	47.164.619.788	47.164.619.788
- Công ty Cổ phần SCI (3)	-	-	15.000.000.000	800.000.000	14.200.000.000	14.200.000.000
- Ông Phan Dương Mạnh (4)	-	-	1.500.000.000	700.000.000	800.000.000	800.000.000
- Ông Nguyễn Công Hòa (4)	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	8.990.712.212	8.990.712.212	27.030.859.678	15.027.572.114	20.993.999.776	20.993.999.776
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (5)	7.620.512.212	7.620.512.212	22.592.759.678	12.784.022.114	17.429.249.776	17.429.249.776
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (6)	1.370.200.000	1.370.200.000	4.438.100.000	2.243.550.000	3.564.750.000	3.564.750.000
	99.467.812.298	99.467.812.298	355.595.961.089	252.257.624.544	202.806.148.843	202.806.148.843
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (5)	28.316.223.140	28.316.223.140	29.949.993.400	12.784.022.114	45.482.194.426	45.482.194.426
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (6)	4.198.950.000	4.198.950.000	13.332.967.687	2.815.700.000	14.716.217.687	14.716.217.687
	32.515.173.140	32.515.173.140	43.282.961.087	15.599.722.114	60.198.412.113	60.198.412.113
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(8.990.712.212)	(8.990.712.212)	(27.030.859.678)	(15.027.572.114)	(20.993.999.776)	(20.993.999.776)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	23.524.460.928	23.524.460.928			39.204.412.337	39.204.412.337

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

STT	Ngân hàng / Hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn hợp đồng	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2016	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo tiền vay
1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây Hợp đồng tín dụng hạn mức số 08/2016/283367/HHTD ngày 15 tháng 12 năm 2016	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể, lãi suất của các khoản vay tại 31/12/2016 là 8%/năm	Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 30/06/2017, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	118.647.529.279	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C	Không tài sản đảm bảo
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh Hợp đồng cấp tín dụng số 16174/HM/HHTD.DAH ngày 22/07/2016	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể, lãi suất của các khoản vay tại 31/12/2016 là 8,2%/năm	Thời gian rút vốn tín dụng tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng, thời hạn thanh toán tối đa 09 tháng áp dụng cho từng lần rút vốn	47.164.619.788	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tài trợ thương mại và các mục đích khác không trái quy định pháp luật	- 02 xe chuyên dùng theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 15066/DAH-HHTC ngày 29/06/2015; - 01 ô tô Ranger biên kiểm soát số 29C-394.58 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số DAH-HHTC/14038 ngày 22/09/2014; - 01 ô tô tải ben TMT Cửu Long_02 tram nghiên sáng
3	Công ty Cổ phần SCI Hợp đồng cho vay số 05032016/SCI-SICCO ngày 05 tháng 03 năm 2016	Lãi suất cho vay cố định tại thời điểm giải ngân là 9%/năm	Thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	14.200.000.000	Vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
4	Vay cá nhân khác Hợp đồng cho vay tiền ngày 17/11/2016	Lãi suất cố định 4,3%/năm	50 ngày	1.800.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
	Tổng cộng			181.812.149.067		

HÀNG
27
TỔNG
HÀNG

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9
Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2016 (VND)	Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo tiền vay
5	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	Chi nhánh Hà Tây		45.482.194.426	17.429.249.776		
	HỆTD số 02/2012/HỆTD ngày 29/10/2012 và phụ lục bổ sung	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	1.737.287.776	1.737.287.776	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2012 - Giai đoạn 1	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay
	HỆTD số 02/2014/283367/HỆTD ngày 18/09/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	803.000.000	438.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 3	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay
	HỆTD số 03/2014/283367/HỆTD ngày 20/11/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	2.515.800.000	1.257.900.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 5	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay
	HỆTD số 04/2014/283367/HỆTD ngày 20/12/2014 và phụ lục bổ sung	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	4.350.000.000	2.160.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 6	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay
	HỆTD số 01/2015/283367/HỆTD ngày 02/02/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	566.000.000	288.000.000	Mua xe ô tô BMW 320i	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay
	HỆTD số 02/2015/283367/HỆTD ngày 05/03/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	1.154.833.250	532.998.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 7	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay
	HỆTD số 02/2015/283367/HỆTD ngày 11/08/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	8.700.000.000	3.480.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay
	HỆTD số 03/2015/283367/HỆTD ngày 28/09/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	2.159.780.000	1.004.064.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015 - Giai đoạn 2	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay
	HỆTD số 03/2016/283367/HỆTD ngày 31/08/2016 và Phụ lục số 02.01/2016/283367/PLHỆTD ngày 28/11/2016	Được quy định trong từng thời kỳ, lãi suất vay tại ngày 31/12/2016 là 10%/năm	60 tháng	7.655.200.000	1.260.000.000	Mua sắm máy móc thiết bị thi công năm 2016 - Giai đoạn 2.2	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay
	HỆTD số 04/2016/283367/HỆTD ngày 14/10/2016 và Phụ lục số 04/2016/283367/HỆTD ngày 28/11/2016	Được quy định trong từng thời kỳ, lãi suất vay tại ngày 31/12/2016 là 10%/năm	36 tháng	601.000.000	123.000.000	Mua cân điện tử và máy nén khí	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9
 Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì,
 Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2016 (VND)	Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo tiền vay
	HỆ TD số 03/2016/283367/HỆ TD ngày 14/10/2016	Được quy định trong từng thời kỳ, lãi suất vay tại ngày 31/12/2016 là 10%/năm	60 tháng	4.441.000.000	748.000.000	Mua sắm máy móc thiết bị thi công năm 2016 - Giai đoạn 2.2	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay
	HỆ TD số 04/2016/283367/HỆ TD ngày 14/10/2016	Áp dụng lãi suất cho vay là 10%/năm đến hết ngày 31/12/2016	60 tháng	10.798.293.400	4.400.000.000	Mua sắm máy móc thiết bị thi công theo Dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2016-giai đoạn 3.1	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay
6	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh			14.716.217.687	3.564.750.000		
	HỆ TD số DAH-HỆCTD/14084 ngày 10/10/2014 và phụ lục bổ sung	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	721.250.000	533.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 3	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay
	HỆ TD số 15189/TH/HỆTD.DAH ngày 26/08/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	662.000.000	31.750.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015 - Giai đoạn 1	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay
	HỆ TD 16135/TH/HỆTD.DAH số ngày 30/5/2016	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	13.332.967.687	3.000.000.000	Thanh toán tiền mua máy khoan đá Furukawa và một phần máy khoan khác	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay
	Tổng cộng			60.198.412.113	20.993.999.776		

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	Quy đầu tư phát triển		
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	3.534.309.465	13.167.324.506	66.701.633.971
Tăng vốn trong năm trước	50.000.000.000	-	(5.000.000.000)	45.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	14.055.511.565	14.055.511.565
Phân phối lợi nhuận	-	1.188.431.534	(1.822.261.686)	(633.830.152)
Giảm khác	-	-	(515.511.285)	(515.511.285)
Số dư cuối năm trước	100.000.000.000	4.722.740.999	19.885.063.100	124.607.804.099
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	4.722.740.999	19.885.063.100	124.607.804.099
Lãi trong năm nay	-	-	4.029.765.892	4.029.765.892
Phân phối lợi nhuận	-	2.028.000.042	(3.109.600.064)	(1.081.600.022)
Giảm khác (*)	-	-	(274.800.000)	(274.800.000)
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	6.750.741.041	20.530.428.928	127.281.169.969

(*) Giảm khác bao gồm thù lao Hội đồng quản trị không chuyên trách và chi phí họp Đại hội đồng cổ đông.

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01-NQ/SICCO/ĐHĐCĐ ngày 28/04/2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để phân phối	100,00%	19.885.063.100
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,20%	2.028.000.042
Thù lao HĐQT và BKS không chuyên trách (đã chi năm 2015)	1,21%	240.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,44%	1.081.600.022
Chi trả cổ tức (bằng 5% vốn điều lệ) (**)	25,14%	5.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	58,01%	11.535.463.036

(**) Đến thời điểm 31/12/2016, Công ty chưa có Thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam nên Công ty chưa ghi giảm Lợi nhuận chưa phân phối đối với giá trị cổ tức được phân phối theo Nghị Quyết Đại Hội đồng cổ đông.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
- Công ty CP SCI	51,00%	51.000.000.000	51,00%	51.000.000.000
- Công ty CP Giải pháp Công nghệ cao SIFO	13,00%	13.000.000.000	0,00%	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	0,00%	-	7,81%	7.810.000.000
- Các cổ đông khác	36,00%	36.000.000.000	41,19%	41.190.000.000
	100%	100.000.000.000	100%	100.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	50.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

đ) Cổ tức

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	5.000.000.000	-
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	5.000.000.000	-
	5.000.000.000	-

e) Các quỹ công ty

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.750.741.041	4.722.740.999
	6.750.741.041	4.722.740.999

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	162,95	113,92

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	350.177.618.362	278.453.385.403
Doanh thu bán hàng hóa	4.257.547.743	10.410.709.616
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.223.190.636	3.409.083.276
	357.658.356.741	292.273.178.295
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)	166.441.677.155	2.457.566.932

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động xây lắp	308.914.864.573	237.477.214.952
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.488.742.187	10.026.963.579
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.700.815.923	2.565.477.902
	315.104.422.683	250.069.656.433

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.255.800.221	104.162.594
Lãi bán các khoản đầu tư	2.213.124.864	3.764.036.649
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.030.000.000	350.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	38.116.811	-
	5.537.041.896	4.218.199.243

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	13.218.552.094	10.723.409.654
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	246.653.717
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	122.356.437	-
Chi phí tài chính khác	39.106.069	66.142.561
	13.380.014.600	11.036.205.932

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.530.786.963	1.577.109.479
Chi phí nhân công	11.130.866.499	6.457.694.854
Chi phí khấu hao tài sản cố định	996.024.624	1.150.586.946
Thuế, phí, lệ phí	523.686.381	425.941.116
Chi phí dự phòng	4.954.895.854	115.062.363
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.402.507.812	3.976.867.090
Chi phí khác bằng tiền	5.941.438.949	2.949.217.419
	30.480.207.082	16.652.479.267

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

25 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	56.272.727
Thu nhập từ bán thiết bị sản xuất	236.500.000	163.636.364
Hạch toán xử lý công nợ	441.739.786	-
Tiền thưởng hoàn thành tiến độ	95.504.000	-
Tiền hoàn thuế đất nộp thừa	453.793.139	-
Thu nhập khác	7.000.000	4.694.001
	1.234.536.925	224.603.092

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tiền phạt vi phạm hành chính và thuế	166.970.936	486.967.157
Tiền phạt chậm nộp BHXH	44.261.982	32.873.581
Giá trị còn lại của thiết bị sản xuất	-	269.931.818
Phạt vi phạm hợp đồng	83.000.000	-
Chi phí khác	249.763.363	330.102
	543.996.281	790.102.658

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.921.294.916	18.123.354.522
Các khoản điều chỉnh tăng	652.885.080	716.840.738
- Chi phí không hợp lệ	215.936.469	519.840.738
- Doanh thu theo BB thuế không xuất hóa đơn	436.948.611	-
- Chi phí phát hành tăng vốn	-	197.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.116.534.875)	(350.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.030.000.000)	(350.000.000)
- Lợi nhuận đã nộp thuế TNDN	(86.534.875)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	4.457.645.121	18.490.195.260
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	891.529.024	4.067.842.957
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	73.257.531
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	4.487.498.627	2.819.655.670
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(5.431.891.372)	(2.473.257.531)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	(52.863.721)	4.487.498.627

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	4.029.765.892	14.055.511.565
Các khoản điều chỉnh	-	(1.124.440.925)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (*)</i>	-	(1.124.440.925)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.029.765.892	12.931.070.640
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	7.527.473
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	403	1.718

Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu. (*) Công ty đang tạm tính dựa trên tỷ lệ phân phối lợi nhuận của Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên 2015 số 01/NQ-SICCO-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2015, tỷ lệ trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi là 8%.

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	170.937.888.246	83.480.598.542
Chi phí nhân công	67.099.615.193	20.344.329.405
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.494.018.070	9.597.278.977
Chi phí dịch vụ mua ngoài	111.245.936.453	107.380.062.422
Chi phí khác bằng tiền	19.240.666.789	58.973.868.912
Chi phí dự phòng	4.954.895.854	-
	387.973.020.605	279.776.138.258

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.401.556.239	-	17.799.277.018	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	154.445.344.051	(5.674.726.616)	117.277.370.525	(719.830.762)
Đầu tư ngắn hạn	20.250.000.000	-	18.536.671.886	-
	234.096.900.290	(5.674.726.616)	153.613.319.429	(719.830.762)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	242.010.561.180	122.992.273.226
Phải trả người bán, phải trả khác	83.011.808.491	49.736.454.677
Chi phí phải trả	10.681.915.081	3.292.942.583
	335.704.284.752	176.021.670.486

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản trương đương tiền	59.401.556.239	-	-	59.401.556.239
Phải thu khách hàng, phải thu khác	148.374.657.435	395.960.000	-	148.770.617.435
Đầu tư ngắn hạn	20.250.000.000	-	-	20.250.000.000
	228.026.213.674	395.960.000	-	228.422.173.674
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản trương đương tiền	17.799.277.018	-	-	17.799.277.018
Phải thu khách hàng, phải thu khác	116.549.539.763	8.000.000	-	116.557.539.763
Đầu tư ngắn hạn	18.536.671.886	-	-	18.536.671.886
	152.885.488.667	8.000.000	-	152.893.488.667

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	202.806.148.843	39.204.412.337	-	242.010.561.180
Phải trả người bán, phải trả khác	83.011.808.491	-	-	83.011.808.491
Chi phí phải trả	10.681.915.081	-	-	10.681.915.081
	296.499.872.415	39.204.412.337	-	335.704.284.752
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	99.467.812.298	23.524.460.928	-	122.992.273.226
Phải trả người bán, phải trả khác	49.736.454.677	-	-	49.736.454.677
Chi phí phải trả	3.292.942.583	-	-	3.292.942.583
	152.497.209.558	23.524.460.928	-	176.021.670.486

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

31 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	371.848.062.498	280.165.522.788
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	252.829.774.544	256.053.495.334

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là hoạt động xây lắp và trên 90% diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
Góp vốn		-	51.000.000.000
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	-	51.000.000.000
Mua hàng		15.142.301.880	11.344.513.698
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	14.995.371.824	11.344.513.698
Công ty TNHH Năng lượng SOVICO - Nghệ An	Công ty cùng tập đoàn	146.930.056	-
Bán hàng và cung cấp dịch vụ xây lắp		166.441.677.155	2.457.566.932
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	89.714.996.842	2.457.566.932
Công ty TNHH Năng lượng SOVICO - Nghệ An	Công ty cùng tập đoàn	76.726.680.313	
Đi vay		15.000.000.000	
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	15.000.000.000	



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:


	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		80.338.255.796	-
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	32.440.407.308	-
Công ty TNHH Năng lượng SOVICO - Nghệ An	Công ty cùng tập đoàn	47.897.848.488	-
Phải trả người bán ngắn hạn		13.895.254.688	6.827.454.670
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	13.735.674.564	6.827.454.670
Công ty TNHH Năng lượng SOVICO - Nghệ An	Công ty cùng tập đoàn	159.580.124	-
Người mua trả tiền trước		52.305.040.420	884.000.000
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	2.591.786.958	884.000.000
Công ty TNHH Năng lượng SOVICO - Nghệ An	Công ty cùng tập đoàn	49.713.253.462	-
Vay ngắn hạn		14.200.000.000	-
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	14.200.000.000	-


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.208.810.257	1.743.956.984

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


 Lê Thị Thu Hiền
 Người lập


 Phan Thanh Hải
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Chính Đại
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2017

